

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TP. QUY NHƠN-TỈNH BÌNH ĐỊNH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Bản án số: 33/2021/HSST
Ngày: 02 - 3 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN - TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Đắc Toàn
2. Bà Trần Thị Bích Hợp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm là Thư ký Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn tham gia phiên tòa:
Ông Trần An Vinh là Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q., tỉnh B. xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 177/2020/HSST ngày 30 tháng 12 năm 2020, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/HSST/QĐ ngày 02 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Đắc N., sinh năm 1980 tại tỉnh B.; Nơi cư trú: Tổ 54, khu vực 7, phường N., TP. Q., tỉnh B.; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hóa: 2/12; con ông Nguyễn Đắc T., sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị N1., sinh năm 1958; Vợ: Phan Thị Ngọc N2., sinh năm:1982, có 03 người con lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Có mặt.

- Bị hại:

Công ty trách nhiệm hữu hạn V.

Trụ sở: Lô A9, A10, KCN Đông Bắc S., xã X., thị xã S., tỉnh P.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn T. – Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H. – Phó giám đốc. Theo giấy ủy quyền số 25/UQ-VH-20 ngày 23/4/2020; Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Đinh Văn T1, sinh năm 1982; Trú tại: Đội 3, khu phố T1, thị trấn T2, huyện T2, tỉnh B.; Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Anh Đinh Văn T2, sinh năm 1978; Trú tại: Thôn L., xã P., huyện T2, tỉnh B.; Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

3. Anh Đặng Văn H., sinh năm 1974; Trú tại: Thôn T., xã P., huyện T2, tỉnh B.; Vắng mặt.

4. Anh Phan Quốc T3, sinh năm 1975; Trú tại: Tổ 49, khu vực 5, P. Q., TP. Q., tỉnh B.; Vắng mặt.

5. Anh Trương Văn T4, sinh năm 1996; Trú tại: Thôn H., xã P., huyện T2, tỉnh B.; Vắng mặt.

6. Anh Võ Văn S., sinh năm 1993; Trú tại: Tổ 79, khu vực 9, phường N., thành phố Q., tỉnh B.; Vắng mặt.

7. Chị Phan Thị N., sinh năm 1976; Trú tại: 515 đường Đ., TP. Q., tỉnh B.; Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

8. Chị Phan Thị Ngọc N., sinh năm 1982; Trú tại: Tổ 54, khu vực 4, phường N., thành phố Q., tỉnh B.; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2019 đến tháng 4/2020, Nguyễn Đắc N. móc nối với các lái xe tại Công trình Khu đô thị mới An Phú Thịnh, TP Q. để lấy trộm dầu của Công ty TNHH V.. Theo quy định, khi hết giờ làm việc, các phương tiện (ô tô tải, xe lu, xe máy đào, xe cẩu, xe máy ủi,...) phải đỗ trong khuôn viên Công trình để lực lượng bảo vệ của Công ty trông coi tài sản. Do đó, muốn lấy dầu để bán thì các tài xế sẽ liên hệ với N. báo nơi đỗ xe, đặc điểm xe, vị trí để chia khóa, số lượng dầu muốn bán và thỏa thuận giá cả. Sau đó, khoảng 1 - 2 giờ sáng ngày hôm sau, N. sử dụng xe mô tô biển số 77L1-062.14 mang theo các dụng cụ (can, ống nhựa) đi đến nơi đậu xe tại công trình để hút trộm dầu theo số lượng đã thỏa thuận, rồi vận chuyển về nhà. Số dầu trộm được N. bán cho bà Phan Thị N. và 02 đối tượng nam (không rõ lai lịch). Số tiền, giá tiền

bán dầu tùy vào thời điểm, không nhớ cụ thể. Số tiền thu lợi (không xác định được) từ việc bán dầu Nghĩa dùng chi tiêu trong gia đình.

Với phương thức, thủ đoạn nêu trên Nghĩa đã thực hiện các lần trộm dầu, cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào ngày 20/4/2020, các tài xế Đinh Văn T1., Đinh Văn T2 và Đặng Văn H. liên hệ với N. để bán dầu với số lượng lần lượt là: T1. 04 can, T2 05 can và H. 02 can (loại can 30 lít/can) với giá tiền 200.000 đồng/can. Rạng sáng ngày 21/4/2020, N. đã trực tiếp hút 04 can dầu, trong xe máy đào của T1.; 05 can trong xe máy đào của T2 và 02 can trong xe máy ủi của H., tổng cộng là 11 can, tương đương với 330 lít. Chiều cùng ngày, N. mang tiền đến trả cho T3. 800.000 đồng, nhờ T1 đưa cho T2 1.000.000 đồng và H. 400.000 đồng.

Lần thứ hai: Vào ngày 21/4/2020, các tài xế Phan Quốc T3, Trương Văn T4 và Võ Văn S. cũng liên hệ với N. để bán dầu với số lượng lần lượt là: T3. 03 can, T4 01 can và S. 02 can. Rạng sáng ngày 22/4/2020, N. đã hút được 04 can dầu từ xe máy đào của T3, 01 can dầu từ xe lu của T4, tương đương với 150 lít, rồi mang về nhà. Sau đó, N. quay lại tiếp tục lấy dầu từ xe máy đào của S. được 02 can (60 lít) thì bị Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Kinh tế và Chức vụ - Công an TP Q. phát hiện bắt quả tang. Qua làm việc, Nguyễn Đắc N. đã khai nhận toàn bộ hành vi như nêu trên.

Ngày 15/10/2020, Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn đo lường chất lượng 2, kết luận: Số dầu thu giữ của Nguyễn Đắc N. là dầu Điêzen thuộc mức chất lượng Mức II (DO 0,05S-II).

Ngày 19/10/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TP. Q. kết luận: 510 lít dầu Điêzen (DO 0,05S-II), trị giá 5.625.300 đồng.

Cơ quan CSĐT - Công an TP. Q. đã tạm giữ: 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số: 77L1-062.14; 01 ống nhựa dài 2,5m; 02 can nhựa loại 30 lít/can và 02 can nhựa loại 10 lít/can; 510 lít dầu (đựng trong 17 can nhựa loại 30 lít/can) và 134 lít dầu (đựng trong 08 can nhựa loại 30 lít/can).

Cơ quan CSĐT - Công an TP. Q. đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu: 506 lít dầu đựng trong 17 can nhựa loại 30 lít/can (04 lít dầu đã sử dụng để giám định, thử nghiệm).

Nguyễn Đắc N. đã tự nguyện bồi thường cho Công ty TNHH V. số tiền 5.625.300 đồng, Công ty nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Bản Cáo trạng số 13/CT - VKSQN ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Q. truy tố bị cáo Nguyễn Đắc N. về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo Nguyễn Đắc N. có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã có hành vi lén lút lấy trộm 510 lít dầu Diesel của Công ty TNHH V. tại Công trình Khu đô thị mới An Phú Thịnh, TP Q. có tổng trị giá 5.625.300 đồng nên Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại, bị cáo tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 5.625.000 đồng, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Đắc N. từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật; Áp dụng Điều 47; Điều 48 BLHS; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại xe mô tô đang thu giữ cho vợ chồng bị cáo, tịch thu, tiêu hủy các vật chứng còn lại.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết sai, xin Tòa giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo cơ hội sửa sai.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Quy Nhơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Nguyễn Đắc N. có đầy đủ sức khỏe, có trình độ học vấn, đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình nên biết rất rõ tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh, nhưng vì tham lam, xem thường pháp luật nên đã móc nối với các tài xế của Công ty TNHH V. hút trộm dầu trên các phương tiện vận tải của Công ty giao cho các tài xế này điều khiển. Có cơ sở xác định bị cáo đã móc nối với tài xế Đinh Văn T1, Đinh Văn T2 và Đặng Văn H. để biết đặc điểm xe, nơi xe đậu, nơi để chìa khóa của từng xe và đã hút 04 can dầu

trên xe máy đào của tài xế Đinh Văn T1, hút 05 can dầu trên xe máy đào của tài xế Đinh Văn T2, hút 02 can trên xe máy ủi của tài xế Đặng Văn H. vào rạng sáng ngày 21/4/2020. Mỗi can dầu chứa 30 lít dầu. Tổng cộng trong ngày 21/4/2020, bị cáo đã hút 330 lít dầu trên các phương tiện vận tải của Công ty V. Trong ngày 21/4 2020, bị cáo tiếp tục móc nối với các tài xế Phan Quốc T3, Trương Văn T4, Võ Văn S. để mua dầu. Sau khi thỏa thuận số dầu cần bán, giá cả, các tài xế này chỉ cho bị cáo đặc điểm xe, nơi đỗ xe, nơi cất chìa khóa xe. Rạng sáng ngày 22/4/2020, bị cáo đã hút 03 can dầu từ xe máy đào của tài xế T3.; 01 can dầu từ xe lu của tài xế T4 và 02 can dầu từ xe máy đào của tài xế S. thì bị phát hiện. Tổng số dầu bị cáo hút trộm trên các phương tiện vận tải của công ty V. là 510 lít. Theo kết quả giám định của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn đo lường chất lượng 2 thì số dầu thu giữ của bị cáo là dầu Diesel thuộc mức chất lượng Mức II (DO 0,05S-II). Theo kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TP. Q. thì trị giá 510 lít dầu bị cáo chiếm đoạt là 5.625.300.000 đồng nên bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội ở địa phương nên cần xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung đối với xã hội.

[4] Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại cơ quan Điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5] Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, xử bị cáo mức án có lý, có tình và không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, xử bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú quản lý, giáo dục như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa vẫn bảo đảm tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[6] Bị cáo Nguyễn Đắc N. còn khai nhận đã mua 134 lít dầu của các tài xế lái xe tải đi qua Quốc lộ 19, đoạn thuộc phường N., TP. Q. nhưng không biết gì

về nhân thân của những người này, không nhớ biển số xe, cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra nên không có căn cứ để xử lý.

[7] Đối với các tài xế có hành vi giúp sức cho bị cáo N. chiếm đoạt số lượng dầu gồm: Đinh Văn T1 120 lít, trị giá 1.323.600 đồng; Đinh Văn T2 150 lít, trị giá 1.654.500 đồng; Đặng Văn H. 60 lít, trị giá 661.800 đồng; Phan Quốc T3 90 lít, trị giá 992.700 đồng; Trương Văn T4 30 lít, trị giá 330.900 đồng; Võ Văn S. 60 lít, trị giá 661.800 đồng, nhưng số lượng dầu từng tài xế chiếm đoạt có trị giá dưới 2.000.000 đồng và không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS nên không xử lý hình sự, chuyển sang xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

Bà Phan Thị N. có hành vi mua dầu từ bị cáo N. để sử dụng nhưng không biết rõ nguồn gốc tài sản do trộm cắp mà có nên không phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

[7] Bồi thường thiệt hại:

Công ty V. đã nhận 506 lít dầu bị cáo chiếm đoạt, bị cáo tự nguyện bồi thường cho Công ty 5.625.000 đồng, Công ty V. không yêu cầu bồi thường gì thêm, bị cáo không có ý kiến gì khác, đây là sự tự nguyện của bị cáo nên chấp nhận.

[8] Xử lý vật chứng:

Xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 77L1-062.14 đang tạm giữ, bị cáo và vợ bị cáo chị Phan Thị Ngọc N. đều khai là xe của vợ chồng mua lại của người khác nhưng chưa sang tên, hiện nay đã bị mất giấy tờ. Qua xác minh, xe này có nguồn gốc hợp pháp, trước thời điểm bị tạm giữ xe thuộc quyền quản lý, sử dụng của vợ chồng bị cáo. Bị cáo sử dụng xe làm phương tiện phạm tội vợ bị cáo chị N. không biết, bị cáo đã bồi thường thiệt hại xong cho bị hại nên trả lại xe này cho vợ chồng bị cáo, sau này nếu tranh chấp quyền sở hữu xe sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

01 ống nhựa dài 2,5m; 02 can nhựa loại 30 lít/can và 02 can nhựa loại 10 lít/can là công cụ phạm tội, không có giá trị kinh tế nên tịch thu, tiêu hủy.

[9] Về án phí:

Bị cáo bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đắc N. phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS; Xử phạt bị cáo Nguyễn Đắc N. 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND phường N., TP. Q., tỉnh Bì. giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47; Điều 48 BLHS; Điều 106 BLTTHS

Trả lại xe mô tô hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu sơn đỏ - đen, số máy: 5C64 - 478973, số khung: 640BY 478964 gắn biển kiểm soát 77L1-062.14 (xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong) cho bị cáo và chị Phan Thị Ngọc N.

Tịch thu, tiêu hủy 01 ống nhựa dài 2,5m; 02 can nhựa loại 30 lít/can và 02 can nhựa loại 10 lít/can.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 02/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Quy Nhơn).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. Quy Nhơn;
- CQ CSĐT CA Tp. Quy Nhơn;
- Đội ĐTTH CA Tp. Quy Nhơn;
- Dương sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Phan Thị Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. Quy Nhơn;
- CQ CSĐT CA Tp. Quy Nhơn;
- Đội ĐTTH CA Tp. Quy Nhơn;
- Đường sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Thị Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

